

Số: /SGDDĐT-TCCBQLCL

Quảng Ninh, ngày tháng 3 năm 2021

V/v hướng dẫn tuyển sinh
vào lớp 10 trung học phổ thông
năm học 2021 - 2022

Kính gửi:

- Phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố;
- Các trường có cấp trung học phổ thông;
- Các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (gọi tắt là Quy chế tuyển sinh) được hợp nhất tại văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT); Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên được hợp nhất tại văn bản số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30/5/2014 của Bộ GDĐT; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ GDĐT; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (gọi tắt là Điều lệ trường trung học);

Thực hiện Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch và phương thức tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2021 - 2022 tỉnh Quảng Ninh;

Sở GDĐT hướng dẫn công tác tuyển sinh vào lớp 10 các trường có cấp trung học phổ thông, các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông năm học 2021 - 2022 như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm tuyển học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở vào các trường có cấp trung học phổ thông, các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông theo quy định của Bộ GDĐT.

2. Làm cơ sở đánh giá chất lượng dạy, học của các trường trung học và công tác chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

3. Hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh. Thực hiện công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy định, nghiêm túc, chính xác, công bằng, khách quan, đúng kế hoạch.

4. Phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của tập thể, cá nhân; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị là người chịu trách nhiệm toàn diện trong công tác tuyển sinh tại cơ quan, đơn vị.

B. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TUYỂN SINH

I. Tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT công lập không chuyên

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Trường THPT công lập không chuyên biệt: Học sinh được tham gia dự tuyển khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đã tốt nghiệp THCS tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hoặc có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Ninh nhưng đã tốt nghiệp THCS tại tỉnh khác;

b) Có độ tuổi quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường trung học, cụ thể:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi (sinh năm 2006). Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.

- Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

- Các trường hợp khác, trường THPT lập danh sách báo cáo Sở GDĐT để xem xét, giải quyết ngay sau khi kết thúc đăng ký dự tuyển.

1.2. Trường phổ thông dân tộc nội trú: Người học đủ các điều kiện quy định tại mục B-I-1.1, đồng thời thuộc một trong các đối tượng sau:

a) Là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (gọi tắt là vùng đặc biệt khó khăn);

b) Là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc theo quy định của UBND tỉnh (gọi tắt là vùng khó khăn);

c) Là người dân tộc Kinh có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng đặc biệt khó khăn (không quá 5% trong tổng số chỉ tiêu được tuyển mới hằng năm).

2. Khu vực tuyển sinh

2.1. Trường THPT công lập không chuyên biệt:

a) Do UBND cấp huyện quy định khu vực (vùng) tuyển sinh của các trường THPT công lập không chuyên biệt đóng trên địa bàn huyện đối với học sinh đã tốt nghiệp THCS của huyện.

b) Ngoài vùng tuyển sinh do UBND cấp huyện quy định, Trường THPT Đông Thành có thêm vùng tuyển sinh là phường Đại Yên (Hạ Long) và phường Nam Khê (Uông Bí).

2.2. Trường phổ thông dân tộc nội trú: khu vực tuyển sinh theo Quyết định phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT của UBND tỉnh.

3. Phương thức tuyển sinh

3.1. Áp dụng phương thức thi tuyển. Sở GDĐT tổ chức chung 01 kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT công lập không chuyên và Trường THPT Chuyên Hạ Long năm học 2021 - 2022 (gọi tắt là Kỳ thi tuyển sinh).

3.2. Trường hợp hồ sơ dự tuyển ít hơn hoặc bằng chỉ tiêu tuyển sinh mà trường được phê duyệt hoặc các trường hợp đặc biệt khác, trường THPT báo cáo Sở GDĐT xem xét, quyết định áp dụng phương thức xét tuyển dựa trên kết quả rèn luyện, học tập của học sinh ở cấp THCS (như Phương án 1 xét tuyển vào trường THPT tư thục tại mục B-IV) ngay sau khi kết thúc đăng ký dự tuyển.

4. Môn thi, nội dung thi, hình thức thi, thời gian làm bài và thang điểm

4.1. Môn thi: Thi các môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc). Trong đó, thí sinh phải đăng ký thi môn Ngoại ngữ là môn được dạy ở trường THPT mà thí sinh có nguyện vọng thi tuyển.

4.2. Nội dung thi nằm trong chương trình trung học cơ sở do Bộ GDĐT ban hành, chủ yếu là chương trình lớp 9. Đề thi môn Toán và Ngữ văn đảm bảo 4 cấp độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao; đề thi môn Ngoại ngữ chủ yếu ở mức độ nhận biết, thông hiểu và một số câu ở cấp độ vận dụng.

4.3. Hình thức thi: Môn Toán, Ngữ văn thi tự luận; môn Ngoại ngữ thi trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận.

4.4. Thời gian làm bài thi: Môn Toán, Ngữ văn thi 120 phút/môn; môn Ngoại ngữ thi 60 phút.

4.5. Điểm bài thi của các môn thi tính theo thang điểm 10.

5. Đăng ký nguyện vọng dự tuyển

5.1. Học sinh được đăng ký dự tuyển vào một (01) trường THPT công lập không chuyên biệt trong khu vực tuyển sinh theo quy định của cấp có thẩm quyền.

5.2. Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh của trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) có thể đăng ký nguyện vọng (NV) dự tuyển vào cả hai (02) trường: PTDTNT Tỉnh và PTDTNT THCS&THPT Tiên Yên nhưng phải xếp thứ tự ưu tiên trường NV1, trường NV2.

6. Quy định xét tuyển

6.1. Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính như sau:

$\text{ĐXT} = (\text{Điểm bài thi môn Toán} + \text{Điểm bài thi môn Ngữ văn}) \times 2 + \text{Điểm bài thi môn Ngoại ngữ} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$

Trong đó, điểm ưu tiên được quy định tại mục B-I-8.

6.2. Nguyên tắc xét tuyển

a) Chỉ xét tuyển đối với học sinh có hồ sơ dự tuyển hợp lệ và đủ điều kiện dự tuyển; có đủ bài thi theo quy định; không vi phạm Quy chế thi trong Kỳ thi tuyển sinh đến mức hủy kết quả thi; không có bài thi bị điểm 0.

b) Căn cứ vào điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng vẫn nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét theo thứ tự ưu tiên: Trung bình cộng của điểm trung bình các môn cả năm học (ĐTBcn) trong 4 năm học THCS cao hơn; ĐTBcn năm học lớp 9 cao hơn; Tổng điểm trung bình môn cả năm (ĐTBmcn) của môn Ngữ văn và môn Toán năm học lớp 9 cao hơn. Nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó.

c) Nếu thí sinh đã trúng tuyển vào trường PTDTNT hoặc lớp chuyên của Trường THPT Chuyên Hạ Long thì không được xét tuyển vào trường THPT không chuyên biệt.

d) Ngoài các nguyên tắc trên, trường PTDTNT có thêm các quy định sau khi xét tuyển:

- Nếu tuyển sinh ở các vùng đặc biệt khó khăn chưa đủ chỉ tiêu thì mới tuyển sinh ở các vùng khó khăn.

- Khi xét tuyển vào từng trường PTDTNT, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký; thí sinh đã trúng tuyển NV1 thì không được xét tuyển NV2.

7. Tuyển thẳng

7.1. Tuyển thẳng vào trường THPT công lập không chuyên biệt các đối tượng sau:

a) **Đối tượng 1:** Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú;

b) **Đối tượng 2:** Học sinh là người dân tộc rất ít người;

c) **Đối tượng 3:** Học sinh khuyết tật;

d) **Đối tượng 4:** Học sinh đạt giải cấp quốc gia, quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS và THPT (gọi chung là giải quốc gia, quốc tế). Giải quốc gia là giải được công nhận ở các cuộc thi do Bộ GDĐT tổ chức hoặc phối hợp tổ chức; các cuộc thi về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức. Giải quốc tế là giải được công nhận ở các cuộc thi khu vực và quốc tế do Bộ GDĐT hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chọn cử, cho phép học sinh tham gia dự thi.

7.2. Tuyển thẳng vào trường PTDTNT

a) **Đối tượng 5:** Học sinh là người dân tộc rất ít người;

b) **Đối tượng 6:** Học sinh người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng tuyển sinh vào trường PTDTNT, đạt giải cấp quốc gia, quốc tế quy định tại mục B-I-7.1-d;

c) **Đối tượng 7:** Học sinh có cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú ở đảo Trần¹.

7.3. Trường hợp học sinh đủ điều kiện tuyển thẳng mà không đăng ký xét tuyển thẳng theo quy định thì phải tham dự Kỳ thi tuyển sinh nếu có nguyện vọng học tại trường THPT công lập tuyển sinh bằng thi tuyển.

8. Chế độ ưu tiên

8.1. Đối tượng ưu tiên thực hiện theo Điều 7 khoản 2 Quy chế tuyển sinh, mức điểm cộng thêm (điểm ưu tiên) vào điểm xét tuyển cho từng nhóm đối tượng quy định như sau:

a) **Nhóm đối tượng 1:** Cộng 3,0 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con liệt sĩ;
- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;

¹ Quyết định số 2177/2013/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách khuyến khích đối với các hộ dân ra sinh sống lâu dài tại đảo Trần, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh

- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;

- Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

b) Nhóm đối tượng 2: Cộng 2,5 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;

- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

c) Nhóm đối tượng 3: Cộng 2,0 điểm cho một trong các đối tượng:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

- Người dân tộc thiểu số;

- Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

8.2. Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng theo tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất.

II. Tuyển sinh vào lớp 10 học tiếng Pháp song ngữ và lớp 10 tiếng Pháp tăng cường

Thực hiện theo hướng dẫn riêng của Sở GDĐT.

III. Tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT Chuyên Hạ Long

1. Tuyển sinh các lớp chuyên và không chuyên

1.1. Tuyển sinh 10 lớp chuyên: Toán, Tin học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc. Mỗi lớp chuyên không quá 35 học sinh.

1.2. Tuyển sinh 03 lớp không chuyên, mỗi lớp không quá 40 học sinh.

a) Lớp không chuyên 1: tuyển các thí sinh dự thi các môn chuyên: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học;

b) Lớp không chuyên 2: tuyển các thí sinh dự thi các môn chuyên: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí;

c) Lớp không chuyên 3: tuyển các thí sinh dự thi các môn chuyên: Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc.

2. Điều kiện dự tuyển

Học sinh được tham gia dự tuyển khi có đủ các điều kiện sau:

2.1. Đã tốt nghiệp THCS tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hoặc có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Ninh nhưng đã tốt nghiệp THCS tại tỉnh khác;

2.2. Có độ tuổi quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học;

2.3. Xếp loại hạnh kiểm và học lực cả năm học của các lớp cấp THCS từ khá trở lên;

2.4. Xếp loại tốt nghiệp THCS từ khá trở lên.

3. Phương thức tuyển sinh: gồm 02 vòng, sơ tuyển và thi tuyển.

3.1. Vòng 1: Trường THPT Chuyên Hạ Long tổ chức sơ tuyển đối với những học sinh có đủ điều kiện dự tuyển, có hồ sơ dự tuyển hợp lệ.

a) Căn cứ vào các tiêu chí và được đánh giá bằng điểm số như sau:

(1)- Điểm xếp loại học lực 4 năm cấp THCS: mỗi năm xếp loại học lực giỏi được 3,0 điểm, học lực khá được 2,0 điểm;

(2)- Điểm kết quả tốt nghiệp THCS: tốt nghiệp loại giỏi được 3,0 điểm, loại khá được 2,0 điểm;

(3)- Điểm thi tài năng: Căn cứ vào kết quả tham gia các hoạt động xã hội, thi tài năng trong phạm vi tổ chức của tỉnh, toàn quốc, khu vực và quốc tế; điểm cho mỗi giải được tính như sau: giải nhất được 5,0 điểm; giải nhì được 4,0 điểm; giải ba được 3,0 điểm, giải khuyến khích được 2,0 điểm.

b) Điểm sơ tuyển (ĐST) được tính như sau:

$$\text{ĐST} = \text{Điểm xếp loại học lực 4 năm cấp THCS} + \text{Điểm kết quả tốt nghiệp THCS} + \text{Điểm thi tài năng (nếu có)}$$

c) Chọn vào thi tuyển Vòng 2 những học sinh đạt điểm sơ tuyển từ 10,0 điểm trở lên.

3.2. Vòng 2: tổ chức thi tuyển đối với những học sinh đã qua sơ tuyển ở Vòng 1.

a) Môn thi: 03 môn chung (Toán, Ngữ văn và Ngoại ngữ) của Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT và môn chuyên theo nguyện vọng.

- Các môn chuyên gồm: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc.

- Thí sinh đăng ký dự thi vào lớp chuyên môn nào phải dự thi bài thi môn chuyên đó, riêng lớp chuyên Tin học bài thi môn chuyên là Toán chuyên.

b) Hình thức thi môn chuyên: Đề thi được áp dụng hình thức tự luận, riêng môn Ngoại ngữ chuyên (thi vào các lớp chuyên Ngoại ngữ) được áp dụng kết hợp giữa hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan để đánh giá các kỹ năng nghe, đọc, viết.

c) Thời gian làm bài thi môn chuyên là 150 phút, riêng môn Hóa học là 120 phút.

d) Nội dung thi môn chuyên nằm trong chương trình THCS do Bộ GDĐT ban hành, chủ yếu là chương trình lớp 9, đảm bảo các cấp độ nhận thức: thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Môn Ngoại ngữ chuyên có phần thi nghe.

đ) Điểm bài thi của các môn chuyên tính theo thang điểm 10.

4. Nguyện vọng dự tuyển

4.1. Mỗi học sinh được đăng ký dự tuyển vào tối đa hai (02) lớp chuyên nhưng phải xếp thứ tự ưu tiên lớp chuyên nguyện vọng 1 (NV1), lớp chuyên nguyện vọng 2 (NV2) và buổi thi môn chuyên tương ứng với lớp chuyên phải không trùng nhau; riêng thí sinh dự thi môn Toán chuyên có thể đăng ký 02 nguyện vọng vào lớp chuyên Toán và lớp chuyên Tin học.

4.2. Học sinh được đăng ký dự tuyển vào lớp không chuyên nếu có đăng ký dự tuyển vào lớp chuyên.

5. Xét tuyển lớp chuyên

5.1. Điểm xét tuyển lớp chuyên (ĐXT_C)

$\text{ĐXT}_C = \text{Tổng điểm 03 bài thi môn chung} + \text{Điểm bài thi môn chuyên} \times 2$
--

5.2. Nguyên tắc xét tuyển lớp chuyên

a) Chỉ xét tuyển đối với học sinh có đủ các bài thi theo quy định; không vi phạm Quy chế thi trong Kỳ thi tuyển sinh đến mức hủy kết quả thi; các bài

thi tham gia tính điểm xét tuyển (ĐXT_C) đều đạt trên 2,0 điểm đối với môn chung và đạt từ 5,0 điểm trở lên đối với môn chuyên.

b) Căn cứ vào điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng vẫn nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét theo thứ tự ưu tiên: Điểm thi môn chuyên đăng ký dự thi cao hơn; có ĐTB_{mcn} của môn chuyên năm học lớp 9 cao hơn; có ĐTB_{cn} năm học lớp 9 cao hơn; có điểm sơ tuyển (ĐST) cao hơn.

c) Đối với từng lớp chuyên, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký; đối với mỗi thí sinh, đã trúng tuyển NV1 thì không được xét tuyển NV2.

6. Xét tuyển lớp không chuyên

6.1. Điểm xét tuyển lớp không chuyên (ĐXT_{KC})

$\text{ĐXT}_{\text{KC}} = \text{Tổng điểm 03 bài thi môn chung} + \text{Điểm bài thi môn chuyên}$

Nếu thí sinh có 02 điểm bài thi môn chuyên để tính điểm xét tuyển (ĐXT_{KC}) vào một lớp không chuyên thì được lấy điểm bài thi cao hơn.

6.2. Nguyên tắc xét tuyển lớp không chuyên

a) Học sinh không trúng tuyển vào lớp chuyên và có đăng ký nguyện vọng dự tuyển vào lớp không chuyên thì được xét tuyển vào các lớp không chuyên tương ứng với lớp chuyên NV1, NV2 (nếu có); nếu học sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào cả 02 lớp không chuyên thì chỉ được công nhận trúng tuyển vào lớp không chuyên tương ứng với lớp chuyên NV1.

b) Chỉ xét tuyển đối với học sinh có đủ các bài thi theo quy định; không vi phạm Quy chế thi trong Kỳ thi tuyển sinh đến mức hủy kết quả thi; các bài thi môn chung và môn chuyên tham gia tính điểm xét tuyển (ĐXT_{KC}) đều đạt trên 2,0 điểm.

c) Căn cứ vào điểm xét tuyển (ĐXT_{KC}), xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng vẫn nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét theo thứ tự ưu tiên: Điểm thi môn chuyên tham gia tính điểm xét tuyển cao hơn; có ĐTB_{cn} năm học lớp 9 cao hơn.

IV. Tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT tư thục

1. Đối tượng tuyển sinh

1.1. Đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên;

1.2. Có độ tuổi quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường trung học.

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển. Lựa chọn một trong hai phương án (không thực hiện đồng thời hai phương án đối với cùng một trường):

2.1. Phương án 1: Xét tuyển dựa trên kết quả rèn luyện, học tập của học sinh ở cấp THCS, nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó.

2.2. Phương án 2: Xét tuyển căn cứ vào điểm xét tuyển của thí sinh tham gia Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2021 - 2022.

3. Xác định phương án tuyển sinh

3.1. Trường THPT tư thục trình Sở GDĐT duyệt phương án tuyển sinh trước khi thực hiện tuyển sinh;

3.2. Sau khi Sở GDĐT phê duyệt phương án tuyển sinh, trường THPT tư thục tổ chức công bố công khai phương án tuyển sinh tại đơn vị mình và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3.3. Ngoài phương thức “xét tuyển” theo phương án được duyệt, các trường không được sử dụng phương thức khác để tuyển sinh.

4. Quy định xét tuyển

4.1. Điểm xét tuyển (ĐXT_{TT}) theo Phương án 1 được tính như sau:

$\text{ĐXT}_{\text{TT}} = \text{Điểm THCS} + \text{Điểm ưu tiên}$

Trong đó, điểm ưu tiên được quy định tại mục B-I-8; điểm THCS: là tổng điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học cấp THCS (nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó), kết quả mỗi năm được quy ra điểm, cụ thể như sau:

HẠNH KIỂM HỌC LỰC	Tốt	Khá	Trung bình
Giỏi	10	9	7
Khá	9	8	6
Trung bình	7	6	5
<i>Các trường hợp còn lại tính 5,0 điểm</i>			

4.2. Điểm xét tuyển theo Phương án 2 được tính như điểm xét tuyển vào trường THPT công lập không chuyên (mục B-I-6.1).

4.3. Nguyên tắc xét tuyển: Chỉ xét tuyển đối với học sinh có hồ sơ dự tuyển hợp lệ và đủ điều kiện dự tuyển. Cách xét tuyển thực hiện tương tự đối với trường THPT công lập tại mục B-I-6.2-b.

V. Tuyển sinh vào lớp 10 chương trình giáo dục thường xuyên

1. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

1.1. Đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên.

1.2. Thuộc một trong các đối tượng sau:

- a) Học viên đang học trung cấp/cao đẳng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- b) Người lao động;
- c) Học sinh năng khiếu của trường năng khiếu thể dục thể thao, văn hóa nghệ thuật.

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa trên kết quả rèn luyện, học tập của học sinh ở cấp THCS, nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó.

3. Quy định xét tuyển: Thực hiện như Phương án 1 xét tuyển vào trường THPT tư thục tại mục B-IV.

VI. Tuyển bổ sung học sinh trường chuyên biệt

1. Tuyển bổ sung vào Trường PTDTNT Tỉnh và Trường PTDTNT THCS&THPT Tiên Yên: Trong năm học, nếu có sự biến động về sĩ số học sinh, thiếu so với chỉ tiêu được giao, các trường PTDTNT đề xuất phương án duyệt bổ sung đối với đối tượng học sinh đã dự tuyển vào trường nhưng chưa trúng tuyển, báo cáo Sở GDĐT xem xét, quyết định.

2. Tuyển bổ sung vào lớp chuyên của Trường THPT Chuyên Hạ Long: thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên. Căn cứ vào báo cáo và đề xuất của Trường THPT Chuyên Hạ Long, Sở GDĐT xem xét, quyết định việc tuyển bổ sung vào các lớp chuyên, quy định đối tượng, điều kiện dự tuyển bổ sung, môn thi tuyển bổ sung và tổ chức thực hiện việc tuyển bổ sung vào các lớp chuyên.

C. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, THI TUYỂN, XÉT TUYỂN, CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN

I. Hồ sơ tuyển sinh

1. Hồ sơ tuyển sinh thực hiện theo Điều 6 Quy chế tuyển sinh, gồm có:

1.1. Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (có chứng thực).

1.2. Bằng tốt nghiệp THCS (đối với học sinh tốt nghiệp trước năm 2021) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (đối với học sinh tốt nghiệp năm 2021) (bản chính).

1.3. Học bạ hoặc Kế hoạch giáo dục cá nhân (đối với học sinh khuyết tật) cấp THCS (bản chính).

1.4. Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, tuyển thẳng do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có); Hộ khẩu thường trú nếu vùng tuyển sinh xác định theo hộ khẩu (bản chứng thực)

1.5. Giấy xác nhận do UBND xã, phường, thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp THCS trước năm 2021) không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc không vi phạm pháp luật (sau đây gọi là Giấy xác nhận nhân thân).

1.6. Học sinh dự tuyển vào trường PTDTNT phải có thêm Giấy khám sức khỏe (y tế cấp huyện trở lên cấp) xác nhận có đủ sức khỏe để học tập.

2. Hồ sơ tuyển sinh nộp cho trường THPT để xác nhận nhập học hoặc để đăng ký dự tuyển (quy định cụ thể tại mục C-II).

II. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

1. Trường THPT công lập

1.1. Đối với học sinh lớp 9 năm học 2020 - 2021:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2021 - 2022 (viết tắt là Phiếu ĐKDT) có xác nhận của trường THCS;

b) Giấy xác nhận (bản chứng thực) chế độ cộng điểm ưu tiên, tuyển thẳng (nếu có);

c) Hộ khẩu thường trú (bản chứng thực) đối với học sinh dự tuyển trường PTDTNT;

d) Ảnh cỡ 3x4 (kiểu ảnh chứng minh nhân dân chụp trước ngày thi không quá 3 tháng) để trong một phong bì, phía ngoài phong bì và sau ảnh ghi rõ: họ tên, ngày tháng năm sinh, trường THCS nơi học sinh theo học (để dán Thẻ dự thi Kỳ thi tuyển sinh).

1.2. Đối với học sinh tốt nghiệp THCS trước năm 2021 hoặc học sinh tốt nghiệp THCS ở tỉnh ngoài (gọi chung là thí sinh tự do):

a) Phiếu ĐKDT;

b) Hồ sơ tuyển sinh (bản sao có chứng thực);

c) Ảnh cỡ 3x4 (quy định tại mục C-II-1.1-d).

2. Trường THPT tư thục

a) Đơn xin dự tuyển (theo mẫu của Sở GDĐT);

b) Hồ sơ tuyển sinh theo quy định tại mục C-I-1.

3. Trung tâm: HN&GDTX tỉnh, GDNN-GDTX cấp huyện (gọi chung là trung tâm GDTX)

a) Đơn xin dự tuyển, có dán ảnh, có xác nhận của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nếu là đối tượng quy định tại mục B-V-1.2-a;

b) Hồ sơ tuyển sinh theo quy định tại mục C-I-1.

III. Đăng ký dự tuyển

1. Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển: Các trường THPT thông báo công khai thời gian đăng ký dự tuyển, lưu ý các mốc thời gian sau:

1.1. Trường THPT công lập hoàn thành việc nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển: trước 16 giờ 00, ngày 15/5/2021.

1.2. Trường THPT tư thục nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển đến ngày 10/7/2021.

2. Nơi đăng ký dự tuyển: Học sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển tại các cơ sở giáo dục mà học sinh có nguyện vọng dự tuyển.

3. Quy định mã nhóm xét tuyển của các trường THPT công lập

3.1. Trường THPT công lập không chuyên biệt

a) Đối với trường THPT có thực hiện phân bổ chỉ tiêu (trên tổng chỉ tiêu được UBND tỉnh giao) theo địa bàn tuyển sinh hoặc theo môn ngoại ngữ (gọi chung là các nhóm xét tuyển), phòng GDĐT quy định mã nhóm xét tuyển bằng các số 1, 2, 3... để gán cho các nhóm xét tuyển của trường THPT đó. Trường hợp không phân bổ chỉ tiêu được giao thì trường THPT chỉ có một nhóm xét tuyển, quy ước là mã 1.

b) Phòng GDĐT các huyện (thị xã, thành phố) báo cáo Sở GDĐT danh sách mã nhóm xét tuyển của từng trường THPT đóng trên địa bàn theo mẫu dưới đây và hướng dẫn học sinh xác định chính xác mã nhóm xét tuyển (để điền vào Phiếu ĐKDT). Lưu ý, nếu học sinh đăng ký không đúng mã nhóm xét tuyển thì có thể dẫn đến sai lệch kết quả tuyển sinh của bản thân học sinh và của học sinh khác.

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu được giao	Mã nhóm xét tuyển	Chỉ tiêu phân bổ	Mô tả nhóm xét tuyển
	TỔNG	
1	Trường THPT	1	...	Xã, xã
			2	...	
			
2	Trường	1	...	

3.2. Trường PTDTNT được quy định mã nhóm xét tuyển như sau:

a) **Nhóm xét tuyển 1:** Đối tượng tuyển sinh quy định tại mục B-I-1.2-a (viết tắt là DT-ĐBK);

b) **Nhóm xét tuyển 2:** Đối tượng tuyển sinh quy định tại mục B-I-1.2-c (viết tắt là Kinh-ĐBK);

c) **Nhóm xét tuyển 3:** Đối tượng tuyển sinh quy định tại mục B-I-1.2-b (viết tắt là DT-KK).

4. Một số lưu ý về hồ sơ đăng ký dự tuyển

4.1. Phiếu ĐKDT

a) Mỗi học sinh có 01 mã học sinh (trong phần mềm cơ sở dữ liệu của Bộ GDĐT). Mã này sẽ được Sở GDĐT gửi trực tiếp về các trường THCS để cấp cho học sinh điền vào Phiếu ĐKDT, Đơn xin dự tuyển.

b) Phiếu ĐKDT phải đúng mẫu quy định của Sở GDĐT; không được tẩy, xóa. Học sinh phải ghi, điền đầy đủ, chính xác thông tin theo đúng hướng dẫn trên Phiếu ĐKDT. Thông tin ghi trên các Phiếu ĐKDT (nộp ở các trường THPT) phải thống nhất đối với một học sinh.

c) Học sinh và cha mẹ (người giám hộ) của học sinh phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trên Phiếu ĐKDT. Sau khi học sinh trúng tuyển, nhà trường thu hồ sơ gốc theo quy định (hồ sơ tuyển sinh), đối chiếu với Phiếu ĐKDT, nếu học sinh khai không đúng, làm thay đổi điều kiện dự thi hoặc kết quả trúng tuyển thì nhà trường báo cáo Sở GDĐT điều chỉnh lại và hủy kết quả thi hoặc hủy kết quả trúng tuyển của học sinh đó.

4.2. Giấy tờ chứng nhận được hưởng chế độ tuyển thẳng, ưu tiên đều phải nộp trong thời gian quy định, sau thời hạn này học sinh không được xem xét hưởng chế độ ưu tiên, tuyển thẳng.

4.3. Các cơ sở giáo dục không tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển không hợp lệ.

4.4. Nếu việc xếp loại hạnh kiểm, học lực lớp 9; công nhận tốt nghiệp THCS hoàn thành sau thời gian đăng ký dự tuyển thì trường THCS có trách nhiệm lập danh sách học sinh gồm thông tin cá nhân, mã học sinh (theo hướng dẫn ở Phụ lục 4) và các thông tin phục vụ xây dựng dữ liệu tuyển sinh (xếp loại hạnh kiểm, học lực lớp 9, xếp loại tốt nghiệp THCS) có xác nhận của hiệu trưởng nhà trường, gửi tới trường THPT theo nguyện vọng dự tuyển của học sinh trước ngày 21/5/2021.

IV. Nguyên vọng xét tuyển vào trường THPT công lập

1. Đăng ký nguyên vọng xét tuyển

1.1. Số lượng nguyên vọng

a) Một học sinh có thể đăng ký tối đa 07 NV vào các trường THPT công lập (nếu đủ điều kiện đăng ký dự tuyển), cụ thể: 02 NV lớp chuyên; 02 NV lớp không chuyên của trường chuyên; 02 NV trường PTDTNT; 01 NV trường THPT công lập không chuyên biệt;

b) Học sinh có nguyên vọng đăng ký xét tuyển vào trường PTDTNT thì phải đồng thời đăng ký xét tuyển vào trường THPT công lập khác trong vùng tuyển để lấy kết quả thi xét tuyển vào trường PTDTNT.

1.2. Xác định thứ tự ưu tiên nguyên vọng: Học sinh có NV xét tuyển vào các nhóm:

(i): Hai (02) lớp chuyên của trường chuyên;

(ii): Hai (02) trường PTDTNT (Tỉnh, THCS&THPT Tiên Yên);

(iii): Hai (02) loại hình trường chuyên biệt (lớp chuyên của trường chuyên, PTDTNT);

(iv): Lớp không chuyên của trường chuyên và trường THPT công lập không chuyên biệt,

phải xác định rõ thứ tự ưu tiên NV xét tuyển (NV1, NV2) đối với từng nhóm bằng cách: điền vào Phiếu ĐKDT.

1.3. Quy định thứ tự ưu tiên nguyên vọng: Ngoài 04 nhóm NV nêu trên do học sinh tự xác định thứ tự ưu tiên, thì nhóm NV sau được quy định thứ tự ưu tiên, cụ thể:

(v): Trường THPT chuyên biệt (trừ lớp không chuyên của trường chuyên) là NV1; Trường THPT công lập không chuyên biệt hoặc lớp không chuyên của trường chuyên là NV2.

2. Xét tuyển theo nguyên vọng

2.1. Học sinh chỉ được xét tuyển theo các nguyên vọng đã đăng ký và xét theo thứ tự ưu tiên: học sinh đã trúng tuyển NV1 thì không được xét tuyển NV2 hay đã trúng tuyển NV ưu tiên cao hơn thì không được xét tuyển các NV ưu tiên thấp hơn².

² Hiểu theo cách khác, nếu điểm xét tuyển của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều NV thì thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển theo NV ưu tiên cao nhất. Việc thí sinh phải xếp thứ tự NV xét tuyển của mình là để xác nhận NV mà thí sinh đó lựa chọn nếu đủ điều kiện trúng tuyển nhiều NV.

2.2. Với việc sắp xếp thứ tự ưu tiên các NV và các quy định về xét tuyển theo NV, mỗi học sinh chỉ có thể đủ điều kiện trúng tuyển không quá 01 NV trong số các NV đã đăng ký dự tuyển (tối đa được đăng ký 07 NV).

2.3. Học sinh đã trúng tuyển theo diện tuyển thẳng, nếu dự thi và đủ điều kiện trúng tuyển vào trường THPT chuyên biệt thì được công nhận trúng tuyển vào trường THPT chuyên biệt và rút tên khỏi danh sách tuyển thẳng đã được phê duyệt trước đó.

2.4. Các trường hợp đặc biệt khác về NV xét tuyển, trường THPT nơi thí sinh đăng ký dự tuyển báo cáo Sở GDĐT xem xét giải quyết.

V. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Bố trí địa điểm thi

1.1. Thí sinh đăng ký dự tuyển vào Trường THPT Chuyên Hạ Long hoặc đồng thời đăng ký dự tuyển vào Trường THPT Chuyên Hạ Long và trường THPT khác: Dự thi các bài thi môn chung và môn chuyên tại Trường THPT Chuyên Hạ Long.

1.2. Thí sinh chỉ đăng ký dự tuyển vào trường THPT công lập không chuyên:

a) Dự thi tại trường THPT không chuyên biệt nơi thí sinh đăng ký dự tuyển. Nếu trường THPT sử dụng địa điểm khác để tổ chức thi (do không đáp ứng được điều kiện cần thiết của Kỳ thi) thì trường phải thông báo địa điểm thi mới tới thí sinh trước ngày thi tối thiểu 05 ngày.

b) Nếu thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào trường THPT công lập không chuyên biệt nơi thí sinh đăng ký dự tuyển không tổ chức thi thì trường THPT này có trách nhiệm:

- Liên hệ với một trường THPT khác có tổ chức thi tuyển sinh ở gần nhất (trừ Trường THPT Chuyên Hạ Long) để bố trí thí sinh dự thi tại đó; trước ngày 15/5/2021 báo cáo Sở GDĐT bằng văn bản và gửi qua email phongtccbqlcl.soquangninh@moet.edu.vn.

- Sau khi Sở GDĐT duyệt phương án bố trí địa điểm thi, trong ngày 15/5/2021 nhà trường lập danh sách những thí sinh này (có thông tin cá nhân, nguyện vọng xét tuyển vào các trường chuyên biệt) và gửi bản chụp/quét các Phiếu ĐKDT về trường THPT - nơi thí sinh được bố trí dự thi để nhập dữ liệu đăng ký dự thi vào phần mềm quản lý thi, xếp phòng thi cho thí sinh. Đồng thời, thông báo tới thí sinh lịch thi, địa điểm thi; hỗ trợ thí sinh hoàn thiện các thủ tục dự thi; hướng dẫn thí sinh tra cứu kết quả thi.

2. Lịch thi, thời gian làm bài thi và thời gian làm thủ tục dự thi

2.1. Hội đồng coi thi THPT không chuyên

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ bắt đầu làm bài
31/5/2021 (Thứ hai)	Chiều	Thí sinh làm thủ tục dự thi: Nhận Thẻ dự thi và đính chính các sai sót (nếu có)		
01/6/2021 (Thứ ba)	Sáng	Ngữ văn	120 phút	7 giờ 30
	Chiều	Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc)	60 phút	14 giờ 30
02/6/2021 (Thứ tư)	Sáng	Toán	120 phút	7 giờ 30

2.2. Hội đồng coi thi THPT Chuyên Hạ Long

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ bắt đầu làm bài
31/5/2021 (Thứ hai)	Chiều	Thí sinh làm thủ tục dự thi: Nhận Thẻ dự thi và đính chính các sai sót (nếu có)		
01/6/2021 (Thứ ba)	Sáng	Ngữ văn	120 phút	7 giờ 30
	Chiều	Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc)	60 phút	14 giờ 30
02/6/2021 (Thứ tư)	Sáng	Toán	120 phút	7 giờ 30
	Chiều	Môn chuyên (Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh)	150 phút	14 giờ 30
03/6/2021 (Thứ năm)	Sáng	Môn chuyên (Toán, Vật lí, Ngữ văn, Tiếng Trung Quốc)	150 phút	7 giờ 30
		Môn chuyên (Hóa học)	120 phút	7 giờ 30

3. Nghiệp vụ tổ chức thi (có hướng dẫn riêng)

VI. Xây dựng dữ liệu công tác tuyển sinh

Các phòng GDĐT, các trường THPT đều phải có trách nhiệm xây dựng Dữ liệu tuyển sinh (công lập, tư thục); Dữ liệu nhân sự tổ chức thi. Sở GDĐT có hướng dẫn cụ thể sau.

VII. Tổ chức tuyển sinh

1. Hội đồng tuyển sinh

1.1. Mỗi trường THPT (trung tâm GDTX) thành lập 01 Hội đồng tuyển sinh; Giám đốc Sở GDĐT ủy quyền cho Hiệu trưởng trường THPT ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh tại đơn vị mình.

1.2. Thành phần

a) Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng trường THPT (Giám đốc trung tâm) hoặc Phó Hiệu trưởng trường THPT (Phó Giám đốc trung tâm).

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là các Phó Hiệu trưởng (các Phó Giám đốc trung tâm).

c) Thư ký và một số uỷ viên (số lượng căn cứ vào thực tế và quy mô tuyển sinh).

1.3. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh, nhập dữ liệu vào phần mềm tuyển sinh của Sở GDĐT, xây dựng cơ sở dữ liệu tuyển sinh. Tổ chức xét tuyển và thực hiện các nhiệm vụ khác về tuyển sinh theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

b) Căn cứ danh sách trúng tuyển do Sở GDĐT công bố, tổ chức kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thí sinh trúng tuyển đối với tuyển sinh vào trường THPT công lập.

c) Báo cáo định kỳ bằng văn bản về Sở GDĐT về kết quả tuyển sinh, những kiến nghị, đề xuất.

d) Kết thúc tuyển sinh, lập danh sách thí sinh nhập học, duyệt kết quả với Sở GDĐT.

đ) Hội đồng tuyển sinh được sử dụng con dấu của nhà trường vào các văn bản của hội đồng.

e) Hội đồng tuyển sinh tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Tổ chức xét tuyển

2.1. Trường THPT công lập

a) Sau khi hoàn thành phúc khảo, căn cứ vào chỉ tiêu được giao (đã trừ số lượng học sinh trúng tuyển thẳng được phê duyệt trước đó) và điểm xét tuyển của học sinh đăng ký dự tuyển, Sở GDĐT công bố điểm chuẩn tuyển sinh vào lớp 10 (lần 1), gửi danh sách thí sinh xét tuyển (trong đó có kết quả xét tuyển) về các trường THPT.

b) Trường hợp thí sinh dự thi tại Trường THPT Chuyên Hạ Long nhưng không trúng tuyển thì được sử dụng kết quả điểm bài thi môn chung để xét tuyển vào trường THPT không chuyên tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển (theo nguyện vọng ghi trong phiếu đăng ký dự tuyển) bình đẳng như

các thí sinh khác dự thi vào trường này (danh sách xét tuyển gửi về trường THPT không chuyên có tên thí sinh này).

c) Trường THPT công lập tổ chức tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của thí sinh trúng tuyển lần 1 theo lịch tại Phụ lục 1.

d) Ngay sau khi hết hạn nộp hồ sơ nhập học, trường THPT báo cáo Sở GDĐT số lượng thí sinh nộp hồ sơ, danh sách thí sinh không đến nhập học, đề xuất phương án điều chỉnh điểm chuẩn tuyển sinh (nếu có). Lưu ý, nếu thí sinh trúng tuyển ở NV ưu tiên cao hơn trong lần xét tuyển sau sẽ bị xóa tên khỏi danh sách công nhận trúng tuyển ở lần xét tuyển trước đó.

đ) Sở GDĐT công bố điểm chuẩn xét tuyển lần 2 vào các trường THPT công lập (nếu có).

e) Thời gian nộp hồ sơ nhập học đợt 1, tuyển bổ sung đợt 2 (nếu có):

- Trường THPT chuyên biệt: 03 ngày, từ 23 - 25/6/2021, kết thúc vào lúc 16 giờ 00 ngày 25/6/2021; chậm nhất 17 giờ 00 ngày 25/6/2021 báo cáo kết quả tuyển sinh lần 1. Tuyển bổ sung (nếu có) trong 02 ngày tiếp theo: 26/6 - 11 giờ 00 ngày 27/6/2021. Nhà trường báo cáo kết quả tuyển sinh lần 2 (nếu có) về Sở GDĐT trong ngày 27/6/2021.

- Trường THPT công lập không chuyên biệt: 05 ngày, từ 23/6 - 16 giờ, 27/6/2021; chậm nhất 17 giờ 00 ngày 27/6/2021 báo cáo kết quả tuyển sinh lần 1. Tuyển bổ sung (nếu có) trong 02 ngày tiếp theo: 28/6 - 11 giờ 00, 29/6/2021. Nhà trường báo cáo kết quả tuyển sinh lần 2 (nếu có) về Sở GDĐT trong ngày 29/6/2021.

g) Sở GDĐT duyệt kết quả tuyển sinh các trường THPT công lập; ban hành quyết định phê duyệt kết quả tuyển sinh.

h) Bảng điểm chuẩn tuyển sinh và danh sách thí sinh trúng tuyển được công khai tại từng trường THPT.

2.2. Trường THPT tư thục

a) Hội đồng tuyển sinh của trường THPT tư thục thực hiện công tác tuyển sinh của từng trường. Các trường tổ chức cho học sinh đăng ký dự tuyển, tổng hợp danh sách đăng ký dự tuyển, tổ chức xét tuyển theo quy định, lập danh sách thí sinh đề nghị phê duyệt trúng tuyển (số lượng theo chỉ tiêu được giao) trình Sở GDĐT phê duyệt chậm nhất 16 giờ 00 ngày 12/7/2021.

b) Danh sách đề nghị xét tuyển, đề nghị trúng tuyển được trích xuất từ phần mềm tuyển sinh của Sở GDĐT.

c) Sở GDĐT tổ chức duyệt tuyển sinh trường THPT tư thục vào 02 đợt: dự kiến 21-23/7/2021; 28-30/7/2021.

3. Nhập học

3.1. Thời gian nhập học, thủ tục nhận hồ sơ được công bố công khai tại từng trường THPT.

3.2. Học sinh có tên trong danh sách trúng tuyển phải nộp đầy đủ hồ sơ tại trường theo đúng thời gian quy định. Hết thời gian theo quy định, học sinh không đến trường làm thủ tục nhập học sẽ bị xóa tên khỏi danh sách trúng tuyển của trường.

3.3. Sau khi kiểm tra hồ sơ, nếu học sinh không đủ các điều kiện theo quy định sẽ bị xóa tên khỏi danh sách trúng tuyển của trường.

3.4. Học sinh đã nộp hồ sơ tuyển sinh vào trường THPT (công lập hoặc tư thục), khi có nhu cầu được rút hồ sơ; nhà trường tạo điều kiện để học sinh rút hồ sơ.

4. Hồ sơ duyệt tuyển sinh gồm của Hội đồng tuyển sinh

4.1. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh;

4.2. Quyết định phân vùng tuyển sinh (đối với trường THPT công lập không chuyên biệt);

4.3. Tờ trình phê duyệt kết quả tuyển sinh; Biên bản xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh;

4.4. Danh sách đề nghị xét tuyển; Danh sách trúng tuyển;

4.5. Danh sách đề nghị công nhận học viên trúng tuyển theo từng lớp gắn với từng nghề và tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp đào tạo; Quyết định trúng tuyển trung cấp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp (đối với cơ sở GDTX);

4.6. Hồ sơ tuyển sinh; các tài liệu khác theo quy định.

VIII. Xét tuyển thẳng

1. Hồ sơ đăng ký tuyển thẳng gồm hồ sơ đăng ký dự tuyển, trong đó có bản chứng thực các giấy tờ làm minh chứng học sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng.

2. Học sinh chỉ được nộp hồ sơ tuyển thẳng vào 01 trường THPT không chuyên biệt trong vùng tuyển sinh hoặc trường PTDTNT nếu thuộc đối tượng xét tuyển thẳng.

3. Học sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng vào trường THPT công lập

(quy định tại mục B-I-7) nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng tại trường THPT trong khu vực tuyển sinh theo quy định của cấp có thẩm quyền trước ngày 15/5/2021.

4. Khi thu hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng, trường THPT kiểm tra hồ sơ đăng, tuyệt đối không tiếp nhận hồ sơ không hợp lệ. Trường THPT lập danh sách học sinh đủ điều kiện xét tuyển thẳng, trình Sở GDĐT theo thời gian quy định tại Phụ lục 1. Lưu ý: danh sách đề nghị xét tuyển thẳng phải được trích xuất từ phần mềm quản lý thi;

5. Sở GDĐT tổng hợp, thẩm định và công bố danh sách học sinh trúng tuyển diện tuyển thẳng theo thời gian quy định tại Phụ lục 1;

6. Trường THPT niêm yết công khai danh sách trúng tuyển thẳng, thông báo kịp thời tới học sinh kết quả xét tuyển thẳng.

IX. Công tác đảm bảo về phòng, chống dịch Covid-19

Căn cứ diễn biến của dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh, trường hợp đến thời điểm tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2021 - 2022 vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, các hội đồng làm công tác thi, tuyển sinh phải thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh (chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết và xây dựng các phương án cụ thể...) đảm bảo sự an toàn và sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, thí sinh và các đối tượng liên quan.

D. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

I. Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2021 - 2022. Tổ chức hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh cho lãnh đạo các phòng GDĐT, Hiệu trưởng các trường THPT, Giám đốc các trung tâm: HN&GDTX tỉnh, GDNN-GDTX cấp huyện, Hiệu trưởng các trường THCS.

2. Chỉ đạo, điều hành công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

3. Duyệt điểm chuẩn tuyển sinh vào lớp 10 THPT. Phê duyệt kết quả tuyển sinh của từng trường THPT, cơ sở GDTX cấp THPT. Tiếp nhận hồ sơ của các Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng coi thi, Hội đồng chấm thi.

4. Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và hàng năm, đột xuất về công tác tuyển sinh với UBND tỉnh và Bộ GDĐT; các nhiệm vụ khác theo Quy chế tuyển sinh.

II. Phòng GDĐT

1. Chịu trách nhiệm triển khai và kiểm tra việc thực hiện các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT của các trường THCS trên địa bàn.

2. Điều động cán bộ, giáo viên làm nhiệm vụ theo yêu cầu của Sở và đề nghị của các trường THPT trên địa bàn.

3. Phổ biến các quy định về tuyển sinh cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

III. Trường THPT, cơ sở GDTX

1. Thành lập Hội đồng tuyển sinh theo ủy quyền của Sở GDĐT. Hội đồng tuyển sinh thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế tuyển sinh và các hướng dẫn của Sở GDĐT.

2. Tổ chức, phổ biến các văn bản hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 THPT cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

3. Chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết đảm bảo tổ chức tuyển sinh, tổ chức thi theo quy định.

4. Cử cán bộ, giáo viên, nhân viên có đủ tiêu chuẩn đảm bảo đúng quy định làm nhiệm vụ thi theo điều động của Sở GDĐT.

5. Thực hiện thông báo công khai các thông tin tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo quy định đảm bảo phụ huynh, học sinh nắm rõ để thực hiện.

6. Trong thời gian tuyển sinh và sau khi công bố kết quả thi, tạo điều kiện để học sinh rút hồ sơ (nếu có nhu cầu).

7. Triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các hướng dẫn của Sở GDĐT về tổ chức tuyển sinh và các nội dung liên quan.

IV. Trường THCS

1. Tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT tại đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Phổ biến cho học sinh, cha mẹ học sinh đầy đủ, kịp thời văn bản hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 THPT, tư vấn cho học sinh đăng ký NV phù hợp với điều kiện và khả năng học tập.

3. Hướng dẫn HS ghi Phiếu ĐKDT đúng quy định; cách xác định đối tượng tuyển thẳng, đối tượng ưu tiên; điểm ưu tiên; điểm sơ tuyển; nhóm xét tuyển; lựa chọn thứ tự ưu tiên nguyện vọng; làm hồ sơ đăng ký dự tuyển, hồ sơ tuyển sinh.

4. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời. Kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ của học sinh. Kiểm tra thông tin trên Phiếu ĐKDT, đối chiếu với hồ sơ gốc và ký xác nhận.

5. Chuẩn bị đội ngũ có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để làm nhiệm vụ tuyển sinh khi được điều động.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (Vụ: GDTrH, GDTX; Cục QLCL);
- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng GDĐT;
- Các trường THPT;
- Các cơ sở GDTX;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Công an tỉnh;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Công ty CP Sách à TBTH Quảng Ninh;
- Lưu: VT, TCCBQLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Ngọc Sơn

**Phụ lục 1. LỊCH CÔNG TÁC TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2021 - 2022**

TT	CÔNG VIỆC	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển (bao gồm cả đăng ký tuyển thẳng) vào các trường THPT công lập	Trường THPT công lập	Chậm nhất 16g00, ngày 15/5
2.	Trường THPT tư thục đề xuất phương án tuyển sinh; Trường THPT công lập (có hồ sơ đăng ký dự tuyển ít hoặc gặp khó khăn trong tổ chức thi) đề xuất phương thức xét tuyển	Trường THPT	15/5
3.	Thông báo công khai những học sinh không đủ điều kiện dự tuyển, tuyển thẳng	Trường THPT	16/5
4.	Trình danh sách học sinh đủ điều kiện xét tuyển thẳng (nếu có) và hồ sơ (bản scan) kèm theo (gửi cả file dữ liệu tuyển thẳng trích xuất từ phần mềm)	Trường THPT công lập	17/5
5.	Sở GDĐT phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển thẳng	Sở GDĐT	Trước 22/5
6.	Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT	Sở GDĐT, HĐCT	01-03/6
7.	Công bố điểm bài thi tuyển sinh tại trường THPT và trên Website của Sở GDĐT	Sở GDĐT, trường THPT có tổ chức thi	Dự kiến 14/6
8.	Thu nhận đơn phúc khảo	Trường THPT có tổ chức thi	Chậm nhất 16g00, 18/6
9.	Thông báo kết quả phúc khảo	Sở GDĐT	Chậm nhất 22/6
10.	Công bố điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 THPT công lập	Sở GDĐT	Dự kiến 22/6
11.	Trường THPT chuyên biệt tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của thí sinh trúng tuyển	THPT chuyên biệt	23/6 - 16g00, 25/6
12.	Báo cáo số lượng thí sinh nộp hồ sơ, danh sách thí sinh không đến nhập học, đề xuất phương án hạ điểm chuẩn (nếu có)	THPT chuyên biệt	Chậm nhất 17g00, 25/6
13.	Tuyển bổ sung cho đủ chỉ tiêu (nếu có) vào các trường chuyên biệt	THPT chuyên biệt	26/6 - 11g00, 27/6

TT	CÔNG VIỆC	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
14.	Trường THPT công lập không chuyên biệt tổ chức tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của thí sinh trúng tuyển	Trường THPT công lập không chuyên biệt	23/6 - 16g00, 27/6
15.	Báo cáo số lượng thí sinh nộp hồ sơ, danh sách thí sinh không đến nhập học, đề xuất phương án hạ điểm chuẩn (nếu có)	Trường THPT công lập không chuyên biệt	Chậm nhất 17g00, 27/6
16.	Tuyển bổ sung cho đủ chỉ tiêu (nếu có) vào các trường THPT không chuyên biệt	Trường THPT công lập không chuyên biệt	28/6-29/6
17.	Công bố điểm chuẩn tuyển sinh (lần 2) vào lớp 10 THPT công lập	Sở GDĐT	Chậm nhất 30/6
18.	Phê duyệt danh sách trúng tuyển vào các trường THPT công lập	Sở GDĐT	30/6
19.	Tổ chức tiếp nhận đăng ký dự tuyển vào trường THPT tư thục	Trường THPT tư thục	Kết thúc vào 10/7
20.	Xét tuyển vào lớp 10 THPT tư thục; Gửi dữ liệu đăng ký dự tuyển về Sở GDĐT	Trường THPT tư thục	Chậm nhất 16g00, 12/7
21.	Duyệt tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT tư thục	Sở GDĐT	21-23/7; 28-30/7

Phụ lục 2. DANH MỤC VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, VÙNG KHÓ KHĂN VÀ DANH MỤC DÂN TỘC RẤT ÍT NGƯỜI

I. Danh mục vùng đặc biệt khó khăn, vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc được UBND tỉnh quy định

1. Vùng đặc biệt khó khăn (vùng ĐBK) gồm xã, thôn sau:

1.1. Các xã thuộc khu vực III; thôn ĐBK của xã thuộc khu vực II theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 về việc Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020³ (sau đây viết tắt là QĐ 582);

1.2. Ba (03) xã ĐBK⁴ của huyện Vân Đồn: Vạn Yên, Bình Dân, Đài Xuyên (theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 về việc Phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020; Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 sửa đổi Điều 2 Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017).

2. Vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc (vùng KK) gồm:

2.1. Xã thuộc khu vực II theo QĐ 582 (trừ thôn ĐBK; trừ 03 xã của Vân Đồn tại mục 1.2)⁵;

2.2. Các vùng khác theo Quyết định phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh của UBND tỉnh: Xã Cộng Hòa, xã Dương Huy, xã Cẩm Hải, khu 10 (khu dân cư Đồng Mỏ - Bến Ván) phường Mông Dương (TP Cẩm Phả); Xã Tràng Lương (TX Đông Triều); Xã Thượng Yên Công (TP Uông Bí); Xã Đảo Trần (huyện Cô Tô).

3. Danh mục xã thuộc khu vực III, II và thôn ĐBK theo QĐ 582

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Thuộc KV	Số thôn ĐBK	Thôn đặc biệt khó khăn
I	HUYỆN HOÀNH BỒ (cũ)⁶			
1	Xã Hòa Bình	II		
2	Xã Tân Dân	II	1	Khe Cát

³ Quyết định 72/QĐ-TTg ngày 16/01/2021 về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội đã ban hành.

⁴ 03 xã còn lại của huyện Vân Đồn trong danh sách tại Quyết định 131/QĐ-TTg (Thắng Lợi, Ngọc Vũng, Bản Sen) đã đạt chuẩn nông thôn mới.

⁵ Áp dụng Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh về Quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thuộc diện tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú.

⁶ Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh.

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Thuộc KV	Số thôn ĐBKK	Thôn đặc biệt khó khăn
3	Xã Đồng Lâm	II	2	Khe Lèn, Đồng Trà
4	Xã Đồng Sơn	II	1	Khe Càn
5	Xã Kỳ Thượng	III	2	
II	HUYỆN BA CHẾ			
1	Xã Lương Mông	II	3	Đồng Cầu, Khe Nà, Khe Giấy
2	Xã Minh Cầm	III	4	
3	Xã Đạp Thanh	III	11	
4	Xã Thanh Lâm	III	7	
5	Xã Nam Sơn	III	4	
6	Xã Thanh Sơn	III	8	
7	Xã Đồn Đạc	III	12	
III	HUYỆN VÂN ĐỒN⁷			
1	Xã Quan Lạn	II		
2	Xã Thắng Lợi	II		
3	Xã Ngọc Vũng	II		
4	Xã Đài Xuyên	II (ĐBKK)	1	Đài Van
5	Xã Bản Sen	II	1	Bản Sen
6	Xã Bình Dân	II (ĐBKK)	2	Đồng Động, Đồng Cống
7	Xã Vạn Yên	II (ĐBKK)	1	Đài Làng
IV	HUYỆN TIÊN YÊN			
1	Xã Tiên Lãng	II	1	Cống To
2	Xã Đại Thành (cũ)	II	2	Khe Mười, Nà Cam
4	Xã Đại Dục	II	3	Phài Giác, Khe Lếng, Khe Quang
5	Xã Phong Dụ	II	2	Khe Vè, Đuốc Phệ
6	Xã Điền Xá	II	3	Khe Vàng, Tiên Hải, Khe Cầu
7	Xã Yên Than	II		
8	Xã Hải Lạng	II	1	Đồi Chè
9	Xã Hà Lâu	III	8	
V	HUYỆN BÌNH LIÊU			

⁷ 03 xã: Vạn Yên, Bình Dân, Đài Xuyên là xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 theo QĐ số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Thuộc KV	Số thôn ĐBKK	Thôn đặc biệt khó khăn
1	Xã Hoàn Mô	II	10	Pắc Cương, Nặm Đẳng, Phặc Chè, Nà Chông, Nà Pò, Co Sen, Ngàn Cậm, Lòng Vải, Cao Sơn, Pắc Pộc
2	Xã Đồng Văn	III	8	
3	Xã Đồng Tâm	III	13	
4	Xã Lục Hồn	III	17	
5	Xã Tình Húc (cũ)	III	9	
6	Xã Vô Ngại	III	16	
7	Xã Húc Động	III	9	
VI	HUYỆN ĐÀM HÀ			
1	Xã Quảng Lợi (cũ)	II	3	Thanh Sơn, Châu Hà, An Bình
2	Xã Quảng An	II	7	An Sơn, Nà Thỏ, Tân Trúc Tùng, Ná Pá, Tâm Làng, Mào Sán Cầu, Nà Cáng
3	Xã Dục Yên	II	1	Yên Sơn
4	Xã Quảng Tân	II	1	Tân Đức
5	Xã Đại Bình	II		
6	Xã Quảng Lâm	III	7	
VII	HUYỆN HẢI HÀ			
1	Xã Quảng Phong	II	4	Thôn 5, 7, 8, 9
2	Xã Quảng Thịnh	II	1	Thôn 3
3	Xã Quảng Thành	II		
4	Xã Cái Chiên	II	2	Đầu Rồng, Vạn Cả
5	Xã Quảng Đức	III	11	
6	Xã Quảng Sơn	III	8	
VIII	THÀNH PHỐ MÓNG CÁI			
1	Xã Hải Sơn	II	1	Lục Chấn
2	Xã Bắc Sơn	II		
3	Xã Quảng Nghĩa	II		

II. Danh mục dân tộc rất ít người

Dân tộc rất ít người theo Công văn số 1208a/UBNDT-DTTS ngày 30/10/2015 của Ủy ban Dân tộc về việc Danh mục các dân tộc rất ít người ở Việt Nam, bao gồm 16 dân tộc: La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Phù Lá, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bô Y, Công, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Bראu, Ó Đu.

Phụ lục 3. MẪU PHIẾU ĐKDT VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐKDT

SỞ GDĐT QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2021 - 2022

Ảnh 3x4
có đóng dấu
giáp lại của
trường

Mã học sinh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ tên học sinh: _____ 2. Giới tính: Nam Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: / /
4. Nơi sinh: _____ 5. Dân tộc: _____ 6. Có bố hoặc mẹ là người DTTS:
7. HKTT _____ 8. DT: _____
9. Học sinh trường THCS: _____ thuộc huyện (TX, TP): _____

10. Kết quả rèn luyện và học tập cấp THCS

Lớp	6	7	8	9	Đ.TBCNM Toán lớp 9	Đ.TBCNM Văn lớp 9
Hạnh kiểm						
Học lực					Năm TN THCS	Xếp loại TN THCS
Đ. TBCMCN						

II. ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG (vào trường THPT không chuyên biệt/PTDTNT)

Tên trường: _____ Mã đối tượng: Nhóm XT:

III. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN: _____ Nhóm đối tượng:

IV. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Trường THPT không chuyên biệt: _____ Nhóm XT:

2. Đăng ký thi Ngoại ngữ: Tiếng Anh Tiếng Trung Quốc

3. Trường THPT Chuyên Hạ Long

3.1. Đăng ký xét tuyển lớp chuyên

Nguyện vọng 1: Lớp chuyên _____ Đ.TBCNM thi chuyên lớp 9:

Nguyện vọng 2: Lớp chuyên _____ Đ.TBCNM thi chuyên lớp 9:

3.2. Đăng ký xét tuyển lớp không chuyên nếu không trúng tuyển lớp chuyên: Có Không

Lớp không chuyên của Trường THPT Chuyên Hạ Long: _____ *Nguyện vọng*

Trường THPT công lập không chuyên biệt: _____ *Nguyện vọng*

4. Dự tuyển vào trường phổ thông dân tộc nội trú _____ Nhóm XT:

Trường PTDTNT Tỉnh: _____ *Nguyện vọng*

Trường PTDTNT THCS&THPT Tiên Yên: _____ *Nguyện vọng*

5. Dự tuyển vào 02 loại hình trường THPT chuyên biệt

Trường THPT Chuyên Hạ Long: _____ *Nguyện vọng*

Trường phổ thông dân tộc nội trú: _____ *Nguyện vọng*

Em xin cam kết những nội dung kê khai trên là đúng và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về tuyển sinh của Sở GDĐT, của trường.

_____, ngày _____, tháng _____ năm 2021

Xác nhận của trường THCS

Ngày _____ tháng _____ năm 2021

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Cha (mẹ) hoặc người giám hộ của
học sinh

(Ký, ghi rõ họ tên)

Học sinh

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Ghi đúng Mã học sinh do trường THCS cấp.
2. Họ và tên học sinh: Ghi đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu.
3. Giới tính, ngày tháng năm sinh, dân tộc: Ghi đúng như giấy khai sinh.
4. Nơi sinh: Ghi tên huyện/thị xã/thành phố (trực thuộc tỉnh), tỉnh/thành phố (trực thuộc trung ương). Nếu sinh ở nước ngoài thì ghi rõ tên quốc gia (theo tiếng Việt Nam).
5. Hộ khẩu thường trú: Ghi xã /phường, huyện/thị xã/thành phố, tỉnh. Ghi thêm thôn nếu thí sinh ở thôn ĐBK (Phụ lục 2).
6. Kết quả hạnh kiểm, học lực, điểm trung bình các môn cả năm, điểm trung bình cả năm môn học : Ghi đúng theo học bạ THCS.
7. Kết quả tốt nghiệp THCS: Ghi đúng theo giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (còn giá trị) hoặc bằng tốt nghiệp THCS.
8. Mục II: Nếu HS có nguyện vọng và đủ điều kiện đăng ký xét tuyển thăng thì:
 - 8.1. Ghi 01 tên trường THPT mà HS có nguyện vọng tuyển thăng;
 - 8.2. Ghi Mã đối tượng tuyển thăng (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) quy ước tại mục B-I-7;
 - 8.3. Ghi Nhóm xét tuyển vào trường THPT, lưu ý:
 - Nhóm xét tuyển (1, 2, 3) vào trường PTDTNT quy định tại mục C-III-3.2;
 - Nhóm xét tuyển vào trường THPT công lập không chuyên biệt theo quy ước của phòng GDĐT.
9. Mục III: Đối tượng ưu tiên: Ghi đối tượng cụ thể được hưởng ưu tiên, nhóm đối tượng quy định tại B-I-8.1. *Ví dụ: Đối tượng ưu tiên: Con thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên; Nhóm đối tượng: 1.* Học sinh thuộc đối tượng ưu tiên phải nộp đủ giấy tờ minh chứng hợp pháp trong hồ sơ đăng ký dự tuyển.
10. Mục IV.1: Ghi tên trường THPT công lập (không chuyên biệt) theo phân vùng tuyển sinh của cấp có thẩm quyền. Ghi nhóm xét tuyển vào trường THPT theo quy ước của phòng GDĐT
11. Mục IV.2: Đăng ký dự thi một Ngoại ngữ theo quy định bằng cách điền dấu “X” vào ô tương ứng với Ngoại ngữ đó.
12. Mục IV.3: HS có nguyện vọng dự tuyển vào trường chuyên phải điền thông tin vào mục này. Lưu ý: (1) - Nếu HS chỉ có nguyện vọng xét tuyển vào 01 lớp chuyên thì điền đầy đủ thông tin vào dòng “Nguyện vọng 1 ...”; dòng “Nguyện vọng 2 ...”: ghi “Không”. (2) - Nếu HS đăng ký xét tuyển lớp chuyên Tin học thì lấy điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 9 để điền vào phần “Điểm TBCNM thi chuyên lớp 9 ...”. (3) - HS có nguyện vọng xét tuyển vào trường chuyên bắt buộc phải điền dấu “X” vào chỉ 1 trong 2 ô “Có”, “Không” để xác nhận việc có hay không nguyện vọng xét tuyển vào lớp không chuyên của trường chuyên nếu không trúng tuyển lớp chuyên. (4) - Nếu HS

có NV xét tuyển lớp không chuyên thì phải xác định thứ tự ưu tiên nguyện vọng xét tuyển vào lớp không chuyên của trường chuyên và trường THPT công lập không chuyên biệt, bằng cách điền số “1”, “2” vào phần “Nguyện vọng ...”.

13. Mục IV.4: Đăng ký dự tuyển các trường PTDTNT: (1) - Ghi nhóm xét tuyển (1, 2, 3) quy định tại mục C-III-3.2; (2) - Nếu HS có đủ điều kiện và có nguyện vọng dự tuyển vào 02 trường PTDTNT thì phải xác định thứ tự nguyện vọng xét tuyển (NV1, NV2) đối với từng trường, bằng cách: Điền số “1”, số “2” vào phần “Nguyện vọng ...” của dòng tương ứng với trường đó. Khi xét tuyển, nếu HS đã trúng tuyển theo NV1 thì không xét tuyển NV2. Trường hợp HS chỉ đăng ký dự tuyển vào 01 trường PTDTNT thì điền số “1” vào phần “Nguyện vọng ...” của dòng tương ứng với trường có NV xét tuyển, dòng tương ứng với trường PTDTNT còn lại ghi “Không”.
14. Mục IV.5: Nếu HS đăng ký dự tuyển vào cả hai loại hình trường chuyên biệt (lớp chuyên của trường chuyên và PTDTNT) thì phải xác định thứ tự NV xét tuyển (NV1, NV2) đối với từng loại hình trường, bằng cách: Điền số “1”, “2” vào phần “Nguyện vọng ...” của dòng tương ứng với trường đó. Khi xét tuyển, nếu thí sinh đã trúng tuyển theo NV1 thì không xét tuyển NV2. Nếu học sinh chỉ đăng ký dự tuyển vào 01 loại hình trường chuyên biệt thì phần “Nguyện vọng ...” của dòng tương ứng với trường đó ghi số “1”, dòng còn lại ghi “Không”.
15. Phiếu ĐKDT không được tẩy, xóa. Những chỗ trống để điền trên Phiếu ĐKDT phải được ghi “Không” hoặc gạch chéo “/” nếu học sinh không có thông tin để điền vào nội dung này./.

Phụ lục 4. MẪU ĐƠN XIN DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN XIN DỰ TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2021 - 2022

Ảnh 3×4 (có
đóng dấu giáp
lai của
trường)

Họ và tên thí sinh:

Ngày sinh: Nam, Nữ:

Dân tộc: Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại liên hệ:

Học sinh lớp 9 trường: Huyện (TX, TP)

Mã học sinh (trên cơ sở dữ liệu ngành):

Số báo danh (Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trong năm dự tuyển)⁸:

Kết quả hạnh kiểm, học lực, công nhận tốt nghiệp THCS:

Kết quả	Năm học				Đ.TBCNM Toán lớp 9	Đ.TBCNM Ngữ văn lớp 9
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9		
Hạnh kiểm						
Học lực					Năm TN THCS	Xếp loại TN THCS
Đ.TBCMCN						

Em có nguyện vọng xin đăng ký dự tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2021 - 2022 tại:

Em xin cam kết những nội dung kê khai trên là đúng và chấp hành nghiêm túc các quy định về tuyển sinh của Sở GDĐT, của trường.

..... ngày tháng năm 2021

**Cha (mẹ) hoặc người đỡ đầu
của học sinh**
(Họ tên, chữ ký)

Học sinh
(Họ tên, chữ ký)

⁸ Học sinh dự tuyển vào trường THPT tự thực bằng kết quả Kỳ thi tuyển sinh phải điền nội dung này